TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21- 9- 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng
Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:72/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa:

Nguyên đơn: Trương Thị T - sinh ngày 11/10/1990
Trú tại: Bản Đ xã Phú N, huyện Q, tỉnh T (Vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Nguyễn Mạnh D - sinh ngày 10/6/1982
Trú tại: tổ 10, Khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa
(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2023 nguyên đơn- chị Trương Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà chồng ở phường Đ, thị xã B. Chung sống cùng nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống

vợ chồng không hòa thuận. Anh D chơi bời, cờ bạc, lô đề nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở (tại huyện Q, tỉnh T) từ năm 2018 đến nay. Còn chồng chị vẫn ở cùng bố mẹ đẻ ở khu phố 5, phường Đ, thị xã B. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2018 và không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai người nấy sống. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Tùng D (nam) sinh ngày 24/6/2015. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu D đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Mạnh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh D không có mặt. Theo như giấy báo cáo ngày 30/6/2023 bà Hồ Thị V(mẹ đẻ anh D trình bày hiện anh D đang đi làm ăn xa bà đã thông báo việc Tòa án thụ lý đơn ly hôn, tranh cấp nuôi con khi ly hôn của chị T cho anh D biết nhưng vì không sắp xếp được công việc nên không về được, anh D đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt đối với anh. Quan điểm của bà việc vợ chồng ở được với nhau là do vợ chồng quyết định, bà không có ý kiến gì. Trước đây vợ chồng anh D, chị T cùng nhau đi làm ăn xa, cháu Tùng D gửi bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau đó khoảng 4 năm chị Tâm về đón con lên ngoại ở Q sinh sống. Từ đó đến nay chị T không nói lý do vì sao lên ngoại ở nên bà không biết nguyên nhân muân thuẫn vợ chồng là gì.

Anh D không thường xuyên có mặt tại địa phương nên chị T có đơn đề nghị Tòa án đăng tin yêu cầu anh D có mặt tại Tòa án nhân dân thị xã B để giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án đã ra thông báo đăng tin tìm kiếm anh Nguyễn Mạnh D trên và báo Công lý trong ba số báo liên tiếp ra các ngày 19, 21 và 26/7/2023 và Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 3 lần trong ba ngày liên tiếp ngày 01,02 và 03/8/2023 để tìm anh Nguyễn Mạnh D yêu cầu anh Dũng về giải quyết việc chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tuy nhiên, anh Dũng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2023 ông Trần Ngọc H trưởng khu phố 5, phường Đông Sơn, thị xã B trình bày: Gia đình chị Trương Thị T và anh Nguyễn Mạnh D là hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, phường Đ, thị xã B. Sau khi anh D kết hôn với chị T thì có sinh sống cùng bố mẹ anh D tại tổ 10, khu phố 5, phường Đ. Sau đó vợ chồng cùng nhau đi làm ăn xa, giao con cho ông bà nội trông. Được một thời gian chị T về mang con lên bà ngoại sinh sống. Anh D đi làm ăn xa

không thường xuyên có mặt ở nhà, cụ thể vợ chồng có mâu thuân hay không và mức độ ra sao khu phố không biết do công dân không báo báo.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 07/8/2023 và ngày 21/8/2023 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/8/2023 và ngày 07/8/2023 Tuy nhiên, chị Trương Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, anh D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã B tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Mạnh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị T và anh Nguyễn Mạnh D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tùng D (nam), sinh ngày 24/6/2015 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Xét việc anh Nguyễn Mạnh D đã đi khởi nơi cư trú: HĐXX thấy, anh Nguyễn Mạnh D đã rời khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh và đăng tin trên báo Công lý trong ba số báo liên tiếp ra các ngày 19, 21 và 26/7/2023 và Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 3 lần trong ba ngày liên tiếp mùng 01,02 và 03/8/2023 nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số:04/2017/NQ ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định như sau: " Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự". Như vậy, trường hợp anh Nguyễn Mạnh D là đúng địa chỉ nơi cư trú. Tuy nhiên, khi đi khỏi nơi cư trú anh D không thông báo cho chính quyền địa phương nắm rõ địa chỉ nơi cư trú mới của mình. Vì vậy được coi là cố tình dấu địa chỉ và được giải quyết theo quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Mạnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T khai do tính tình hai vợ chồng không hợp, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay vợ chồng thực sự không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên chị T cương quyết xin ly hôn với anh D, anh D không có mặt tại Tòa án không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu chị T xử cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Tùng D (nam), sinh ngày 24/6/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh D không có mặt. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị T xin được nuôi D và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu D xin được ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục

cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

***** *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tâm

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tùng D (giới tính: nam), sinh ngày 24/6/2015 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Tâm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 23/6/2023 theo biên lai thu số: AA/2021/0005420. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trương Thị T và anh Nguyễn Mạnh D.

Chị T, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã Bỉm Sơn;*
- *Đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND phường Đ(ĐK 20/01/2014);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TỐNG THỊ HÀ